TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** **TỈNH P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2020.
"Vv tranh chấp: Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Viết Tú
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Minh Thân
Ông Nguyễn Thành Lâm

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2020/TLST- HNGĐ ngày 13/3/2020 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị O**, sinh năm 1992. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 6 xã ST, huyện TT, tỉnh P.

- *Bị đơn*: Anh **Phạm Ngọc T,** sinh năm 1989. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 6 xã ST, huyện TT, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/3/2020, được bổ sung bằng bản tự khai ngày 25/3/2020 chị Nguyễn Thị O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phạm Ngọc T năm 2012, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ST, huyện TT, tỉnh P.

Qúa trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Từ ngày 08/10/2019 vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ và ly thân từ đó cho đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau.

Đến nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị đề nghị được ly hôn với anh T để giải phóng cho bản thân.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Phạm Trung K, sinh ngày 29/9/2013; cháu Phạm Minh H, sinh ngày 28/01/2016; cháu Phạm Minh A, sinh ngày

10/8/2018. Hiện các con chung đang ở với chị, ly hôn chị đề nghị được nuôi cả ba con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng, công nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Chị không đề nghị giải quyết.

**** Quá trình giải quyết anh T vắng mặt, Toà án đã thông báo, triệu tập hợp lệ cho anh T, tuy nhiên anh vắng mặt không lý do.***

Ông Phạm Bích C là bố của anh T cho biết: Hiện tại anh T đang đi làm tự do nên không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn với chị O được. Mỗi khi Toà án thông báo, triệu tập đối với anh T thì ông đều giao và thông báo cho anh T. Ngoài ra ông Cần xác định trong cuộc sống vợ chồng giữa chị O và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, thực tế cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị không còn tồn tại nữa, hiện nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đã sống ly thân. Ông đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng hôn nhân giữa chị O và anh T để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Qua làm việc tại UBND xã ST, huyện TT, tỉnh P xác định: Hiện tại anh T vẫn đang cư trú tại địa phương. Năm 2012 anh T và chị O đã đăng ký kết hôn tại UBND xã ST, huyện TT. Sau khi kết hôn thì anh T và chị O đã cùng nhau sinh sống tại gia đình nhà chồng. Quá trình vợ chồng chung sống đã có 03 con còn nhỏ. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình, cả hai bên đều không chủ động và có biện pháp hàn gắn hạnh phúc, từ năm 2019 cho đến nay thì vợ chồng ly thân. UBND xã ST đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, bảo đảm quyền lợi cho người phụ nữ và trẻ em.

Hội phụ nữ xã ST, huyện TT, tỉnh P xác định: Chị O và anh T là vợ chồng. Quá trình vợ chồng chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp nhau trong cuộc sống, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình, cả hai bên đều không chủ động và có biện pháp hàn gắn hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Hội phụ nữ xã ST đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, bảo đảm quyền lợi cho người phụ nữ và trẻ em.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thuỷ tại phiên tòa(có bài phát biểu lưu trong hồ sơ vụ án):***

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận đơn khởi kiện của chị O: Xử cho chị O được ly hôn anh T.

Về con chung: Xử giao cho chị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Trung K, sinh ngày 29/9/2013; cháu Phạm Minh H, sinh ngày 28/01/2016; cháu Phạm Minh A, sinh ngày 10/8/2018 kể từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu K, cháu H, cháu A thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này sau ly hôn nếu có tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Chị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Chị O do điều kiện công việc nên đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh T về việc thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo, triệu tập hợp lệ cho anh T đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tuy nhiên anh T đều vắng mặt không có lý do, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và Khoản 1, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị O kết hôn với anh T vào năm 2012, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã ST, huyện TT, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị O và anh T đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không quan tâm đến nhau. Nay chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh T. Tòa án đã thông báo cho anh T về việc thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo, triệu tập hợp lệ cho anh T đến Tòa án để giải quyết vụ án, tuy nhiên anh T đều vắng mặt không có lý do. Qua làm việc cùng gia đình anh T, UBND xã cùng Hội phụ nữ xã ST đều xác định chị O anh T ly thân đã lâu, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn để đảm bảo quyền và lợi ích cho các đương sự.

Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không hợp tác hòa giải, không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị O, xử cho chị được ly hôn anh T là phù hợp tránh ràng buộc không có lợi.

[2] Xét về con chung: Chị O và anh T có 03 con chung là Phạm Trung K, sinh ngày 29/9/2013; cháu Phạm Minh K, sinh ngày 28/01/2016; cháu Phạm Minh K, sinh ngày 10/8/2018, hiện đang ở với chị O. Các con chung còn nhỏ, hiện nay đang ở với chị O, chị O có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả ba con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T không đến Tòa án để giải quyết, không thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với con chung. Để bảo đảm quyền lợi cho các cháu, cần giao cả ba con chung cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị O không yêu cầu, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản và công nợ chung, công sức đóng góp: Chị O không yêu cầu giải quyết do vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

* Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

* Áp dụng: Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Phạm Ngọc T.

2. Về con chung: Xử giao cho chị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Trung K, sinh ngày 29/9/2013; cháu Phạm Minh H, sinh ngày 28/01/2016; cháu Phạm Minh A, sinh ngày 10/8/2018 kể từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu K, cháu H, cháu A thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản và công nợ chung, công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này, tuy nhiên sau khi ly hôn, nếu có Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị O phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0001747 ngày 13/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh P.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã ST;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Viết Tú